

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thùy.

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1986 (có mặt).

- Bị đơn: Chị Trịnh Hồng T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp MV, xã TGD, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày: Anh và chị Trịnh Hồng T tự nguyện kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và bỏ đi làm ăn từ năm 2012 cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay anh S và chị T không có gặp nhau, cũng như chưa hòa giải để hàn gắn tình cảm. Nay anh S xét thấy tình cảm dành cho nhau không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/10/2008. Sau khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 17/8/2020 và đơn xin vắng mặt ngày 17/8/2020 bị đơn chị Trịnh Hồng T trình bày: Năm 2008 chị và anh S kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị và anh S sống ly thân cho đến nay. Nay anh S yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý. Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/10/2008, hiện đang sống với anh S. Khi ly hôn đồng ý giao con lại cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử tại Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hoà giải được và Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau ngày 24/7/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh S xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn và yêu cầu ly hôn. Yêu cầu ly hôn của anh S được chị T đồng ý. Từ đó, có cơ sở cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa anh S và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được do anh S và chị T sống ly thân đã nhiều năm nay, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/10/2008. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Minh T thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/10/2008 cho anh S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con anh S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do anh S và chị T không đặt ra yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự.

[6] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng anh S phải nộp và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh S. Cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Trịnh Hồng T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/10/2008 cho anh S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định pháp luật. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch anh S phải nộp 300.000 đồng, anh S có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007287 ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Anh S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã TGD (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Quốc Kiên